

BÀI 1: TÔI VÀ CÁC BẠN

Môn: Ngữ văn 6; Số tiết: 16 tiết (Từ tiết 01 ->16)

MỤC TIÊU CHUNG

- Nhận biết được một số yếu tố của truyện đồng thoại (cốt truyện, nhân vật, lời người kể chuyện, lời nhân vật) và người kể chuyện ngôi thứ nhất.
- Nhận biết và phân tích được đặc điểm nhân vật thể hiện qua hình dáng, cử chỉ, hành động, ngôn ngữ, ý nghĩ của nhân vật.
- Nhận biết được từ đơn và từ phức (từ ghép và từ láy), hiểu được tác dụng của việc sử dụng từ láy trong văn bản.
- Viết được bài văn kể lại một trải nghiệm của bản thân, biết viết VB bảo đảm các bước;
- Kể được một trải nghiệm đáng nhớ đối với bản thân.
- Giúp học sinh rèn luyện bản thân phát triển các phẩm chất tốt đẹp: Nhân ái, chan hoà, khiêm tốn; trân trọng tình bạn, tôn trọng sự khác biệt.

TUẦN: 01

TIẾT PPCT: 1, 2, 3

ĐỌC VĂN BẢN

BÀI HỌC ĐƯỜNG ĐỜI ĐẦU TIÊN

(Trích Dế Mèn phiêu lưu kí, Tô Hoài)

I. Mục tiêu

1. Năng lực

1.1. Năng lực đặc thù

- Xác định được người kể chuyện ngôi thứ nhất; nhận biết được các chi tiết miêu tả hình dáng, cử chỉ, lời nói, suy nghĩ của các nhân vật Dế Mèn, Dế Choắt. Từ đó, hình dung được đặc điểm của từng nhân vật.
- Nhận biết được những đặc điểm cơ bản làm nên sức hấp dẫn của truyện đồng thoại: nhân vật thường là loài vật, đồ vật,... được nhân hóa; tác giả dùng “tiếng chim lời thú” để nói chuyện con người; cốt truyện vừa gắn liền với sinh hoạt của các loài vật, vừa phản ánh cuộc sống con người; ngôn ngữ miêu tả sinh động, hấp dẫn,...
- Nhận biết và phân tích được đặc điểm của nhân vật Dế Mèn; rút ra bài học về cách ứng xử với bạn bè và cách đối diện với lỗi lầm của bản thân.

1.2. Năng lực chung (năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo): Biết lắng nghe và có phản hồi tích cực trong giao tiếp; thực hiện được các nhiệm vụ học tập theo nhóm. Biết phân tích, tóm tắt những thông tin liên quan từ nhiều nguồn khác nhau.

2. Phẩm chất: Nhân ái, trung thực: Biết phân biệt cái phải, cái trái, không đồng tình với cái

ác, cái xấu, sẵn sàng bênh vực người yếu thế, thiết thòi. Không đổ lỗi cho người khác, có ý thức và tìm cách khắc phục hậu quả do mình gây ra.

II. Thiết bị dạy học và học liệu

1. Chuẩn bị của giáo viên: Kế hoạch bài dạy (Giáo án); Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi; Tranh ảnh về nhà văn, hình ảnh; Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp; Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà;

2. Chuẩn bị của học sinh: SGK, SBT Ngữ văn 6, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

III. Tiến trình dạy học

1. Hoạt động 1: Xác định vấn đề

a. Mục tiêu: Tạo hứng thú cho học sinh, thu hút học sinh sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. Giúp cho HS có tâm thế khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

b. Nội dung: Giáo viên đặt cho học sinh những câu hỏi gợi mở vấn đề; phương pháp đàm thoại.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS qua phần thảo luận nhóm và cá nhân.

d. Tổ chức thực hiện

HOẠT ĐỘNG CỦA GV & HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
<p>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ GV1: Có thể em đã từng đọc một truyện kể hay xem một bộ phim nói về niềm vui hay nỗi buồn mà nhân vật đã trải qua. Khi đọc hoặc xem em có suy nghĩ gì? GV2: Em hãy chia sẻ với các bạn vài điều em thấy hài lòng hoặc chưa hài lòng khi nghĩ về bản thân?</p> <p>Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ GV gợi mở, dẫn dắt học sinh trả lời 2 câu hỏi (có thể gọi 3 đến 5 học sinh trả lời và chia sẻ trước lớp)</p> <p>Bước 3: Báo cáo thảo luận GV mời từ 3 đến 5 HS chia sẻ những suy nghĩ và kỉ niệm đáng nhớ nhất đã trải qua.</p> <p>Bước 4: Kết luận, nhận định GV lắng nghe từ những câu chuyện chia sẻ của HS từ đó GV dẫn dắt vào bài học mới.</p> <p style="text-align: center;"><i>(GV ghi tên bài học lên bảng)</i></p>	<p>Giới thiệu vào bài học: Trong cuộc sống, có những lúc chúng ta phạm phải những lỗi lầm khiến chúng ta phải ân hận. Những vấp ngã đó giúp chúng ta nhận ra những bài học sâu sắc trong cuộc sống của mình. Bài học hôm nay chúng ta sẽ cùng tìm hiểu văn bản: <i>Bài học đường đời đầu tiên</i> (Trích <i>Đế Mèn phiêu lưu kí</i> của Tô Hoài) để tìm hiểu những lỗi lầm và bài học với Đế Mèn nhé!</p>

2. Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới

Hoạt động 1: Đọc tiếp xúc văn bản

a. Mục tiêu: Học sinh có kỹ năng đọc văn bản truyện, tóm tắt văn bản và cần nắm được những thông tin về tác giả, tác phẩm.

b. Nội dung: Sử dụng phương pháp thuyết trình, gợi mở, đàm thoại. HS sử dụng SGK chất lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm học tập: Các câu trả lời của HS, phiếu học tập và bảng đánh giá.

d. Tổ chức thực hiện

HOẠT ĐỘNG CỦA GV & HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
<p>Nhiệm vụ 1</p> <p>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ</p> <p>GV hướng dẫn HS cách đọc văn bản, đọc lưu loát, giọng kể chậm để suy ngẫm về nhân vật Dế Mèn, Dế Choắt. Khi đọc sử dụng các chiến lược: <i>theo dõi, dự đoán.</i></p> <p>GV đọc mẫu thành tiếng một đoạn từ đầu -> <i>đứng đầu thiên hạ</i>, sau đó yêu cầu HS thay nhau đọc thành tiếng cho đến hết văn bản.</p> <p>GV: Qua phần đọc tiếp xúc văn bản và đã đọc tìm hiểu ở nhà em hãy tóm tắt các sự việc chính của văn bản <i>Dế Mèn phiêu lưu kí.</i></p> <p>(<i>Sử dụng phiếu Rubric để đánh giá kết quả tóm tắt văn bản của HS</i>)</p> <p>Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ</p> <p>GV đọc mẫu thành tiếng đoạn 1, sau đó gọi 2 HS đọc hết phần còn lại của văn bản.</p> <p>GV cho HS làm việc cá nhân, trao đổi cặp đôi để tóm tắt văn bản, thời gian từ 2 -> 3 phút.</p> <p>GV sử dụng phương pháp thuyết trình, gợi mở, làm mẫu.</p> <p>Bước 3: Báo cáo thảo luận</p> <p>GV đọc mẫu đoạn 1, HS đọc 2 đoạn văn còn lại của văn bản.</p> <p>GV gọi 1 -> 2 HS nhận xét giọng đọc của bạn.</p> <p>GV gọi 1 -> 2 HS tóm tắt văn bản theo các tình huống truyện, sự việc, sự kiện.</p> <p>GV gọi 1 vài HS nhận xét, bổ sung nội dung tóm tắt văn bản còn thiếu cho bạn.</p> <p>Bước 4: Kết luận, nhận định</p>	<p>I. Đọc tiếp xúc văn bản</p> <p>1. Đọc văn bản</p> <p>2. Tóm tắt văn bản</p> <ul style="list-style-type: none"> - Dế Mèn là một thanh niên cường tráng, Đồi càng mỡ mẫm bóng. - Dế mèn khinh thường và rất thích trêu chọc Dế Choắt vì anh ta nhỏ con, thấp bé - Một lần, Dế Mèn trêu chọc chị Cốc rồi lủi vào hang sâu. - Chị Cốc tưởng lầm là Dế Choắt nên đã đánh Dế Choắt bị thương đến chết. - Dế Mèn chứng kiến cảnh tượng ấy từ hang

<p>GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức. GV ghi nội dung cốt lõi lên bảng (<i>HS có thể tìm ý để ghi nội dung cơ bản vào vở viết</i>).</p> <p>Nhiệm vụ 2</p> <p>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ GV cho HS đọc phần giới thiệu về tác giả Tô Hoài (<i>SGK trang 19</i>) GV1: Em hãy nêu hiểu biết của mình về tác giả, tác phẩm của Tô Hoài?</p> <p>Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ GV gọi 1 HS đọc phần giới thiệu tác giả Tô Hoài và tác phẩm <i>Dế Mèn phiêu lưu kí</i>. GV sử dụng phương pháp đàm thoại, gợi mở, nêu vấn đề.</p> <p>Bước 3: Báo cáo thảo luận GV gọi 1 -> 2 HS trả lời về tác giả Tô Hoài GV gọi 1 -> 2 HS bất kì nhận xét, bổ sung cho câu trả lời của bạn.</p> <p>Bước 4: Kết luận, nhận định GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức. GV ghi nội dung cốt lõi lên bảng (<i>HS có thể tìm ý để ghi nội dung cơ bản vào vở viết</i>).</p>	<p>hăng, kiêu ngạo đã trở nên sợ hãi, nhút nhát. - Bài học đường đời đầu tiên <i>Dế Mèn</i> rút ra chính là sự trả giá cho những hành động nông cuồng thiếu suy nghĩ.</p> <p>3. Tác giả, tác phẩm</p> <p>a. Tác giả</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tác giả Tô Hoài (1920 - 2014); tên khai sinh là Nguyễn Sen. - Quê ở Hà Nội. - Ông là nhà văn có vốn sống rất phong phú, năng lực quan sát và miêu tả tinh tế, lối văn giàu hình ảnh, nhịp điệu, ngôn ngữ chân thực, gần gũi với đời sống. <p>b. Tác phẩm</p> <ul style="list-style-type: none"> - <i>Dế Mèn phiêu lưu kí</i> là truyện đồng thoại, viết cho trẻ em; - Năm 1941 ông xuất bản truyện <i>Con Dế Mèn</i> - Năm 1945 gộp thành <i>Dế Mèn phiêu lưu kí</i>.
--	---

Hoạt động 2: Đọc chi tiết văn bản

a. Mục tiêu

- Thông qua hoạt động đọc, tóm tắt được đoạn trích; xác định được người kể chuyện ngôi thứ nhất; nhận biết được các chi tiết miêu tả hình dáng, cử chỉ, lời nói, suy nghĩ của các nhân vật: *Dế Mèn*, *Dế Choắt*. Từ đó, hình dung được đặc điểm của từng nhân vật;
- Nhận biết được những đặc điểm cơ bản làm nên sức hấp dẫn của truyện đồng thoại: nhân vật thường là loài vật, đồ vật,... được nhân hóa; tác giả dùng “tiếng chim lời thú” để nói chuyện con người; cốt truyện vừa gắn liền với sinh hoạt của các loài vật, vừa phản ánh cuộc sống con người; ngôn ngữ miêu tả sinh động, hấp dẫn,...
- Nhận biết và phân tích được đặc điểm của nhân vật *Dế Mèn*; rút ra bài học về cách ứng xử với bạn bè và cách đối diện với lỗi lầm của bản thân.

b. Nội dung: HS sử dụng SGK, chất lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi. GV sử dụng phương pháp thảo luận nhóm, trao đổi cặp đôi, khăn trải bàn, thuyết trình, gợi mở...

c. Sản phẩm học tập: HS tiếp thu kiến thức; sử dụng phiếu đánh giá Rubics qua các mức độ năng lực nhận thức của học sinh.

d. Tổ chức thực hiện

HOẠT ĐỘNG CỦA GV & HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
<p>Nhiệm vụ 1</p> <p>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ GV1: Nhân vật chính trong văn bản là nhân vật nào? Được sử dụng ngôi kể thứ mấy? GV2: Phương thức biểu đạt chính của văn bản là gì? Đề tài được nhắc đến trong truyện là gì?</p> <p>Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ Câu hỏi 1, 2 GV cho HS làm việc cá nhân. GV sử dụng phương pháp đàm thoại (1-1), gợi mở, nêu vấn đề.</p> <p>Bước 3: Báo cáo thảo luận GV gọi 1 vài học sinh HS trả lời câu hỏi 1, 2 theo tinh thần xung phong. GV gọi 1 vài HS nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.</p> <p>Bước 4: Kết luận, nhận định GV nhận xét, bổ sung, chốt kiến thức. GV ghi nội dung chính lên bảng. <i>(HS có thể tìm ý để ghi nội dung cơ bản vào vở viết).</i></p> <p>Nhiệm vụ 2</p> <p>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ GV: yêu cầu HS dựa vào văn bản vừa đọc em hãy cho biết văn bản được chia làm mấy phần? Nội dung của mỗi phần là gì?</p> <p>Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ GV cho HS làm việc cá nhân, sử dụng phương pháp gợi mở, nêu tình huống có vấn đề. GV hướng dẫn và giúp đỡ những học sinh ít xây dựng bài học.</p> <p>Bước 3: Báo cáo thảo luận GV gọi 1 -> 2 HS lên trả lời nội dung phần bố cục và nội dung mỗi phần của văn bản. GV gọi HS nhận xét, bổ sung câu trả lời.</p> <p>Bước 4: Kết luận, nhận định GV nhận xét, bổ sung, chốt lại ý kiến hay</p>	<p>II. Đọc chi tiết văn bản</p> <p>1. Đọc hiểu hình thức</p> <p>→ Nhân vật chính: Dế Mèn. - Ngôi kể: Thứ nhất. → Phương thức biểu đạt chính : Tự sự kết hợp với miêu tả và biểu cảm. - Đề tài viết dành cho thiếu niên và nhi đồng để hiểu về thế giới muôn loài các loài vật được nhắc đến trong truyện.</p> <p>2. Bố cục văn bản</p> <p>→ Bố cục: Chia làm 2 phần + Phần 1: Từ đầu đến <i>đứng đầu thiên hạ</i> (Miêu tả hình dáng, tính cách Dế Mèn) + Phần 2: <i>Còn lại</i> (Dế Mèn trêu chị Cốc gây cái chết cho Dế Choắt và rút ra bài học</p>

của học sinh và GV ghi nội dung chính lên bảng.

Nhiệm vụ 3

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

GV1: đặt câu hỏi gợi dẫn: Khi nói về một nhân vật, ta có thể nêu lên những đặc điểm nào của nhân vật đó?

GV2: Xác định các chi tiết miêu tả về hình dáng, hành động Dế Mèn? Các chi tiết đó khiến em liên tưởng tới tác phẩm nào của con người? Lối miêu tả thường được sử dụng ở loại truyện nào?

GV3: Dế Mèn có thái độ, mối quan hệ như thế nào với hàng xóm xung quanh?

GV4: Qua những chi tiết trên, em có nhận xét gì về Dế Mèn? Em thích hoặc không thích điều gì ở Dế Mèn?

GV5: Em có nhận xét gì về cách sử dụng từ ngữ, các biện pháp nghệ thuật, trình tự miêu tả của tác giả về nhân vật Dế Mèn?

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

GV cho HS thảo luận theo nhóm, có thể chia lớp ra làm 4 đến 6 nhóm. (Mỗi nhóm thực hiện 1 câu hỏi theo thứ tự từ 1 đến 5)

GV cho HS thảo luận thời gian khoảng 6 phút. GV đi hỗ trợ các nhóm, gọi mở để HS làm bài được tốt.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

Nhóm 1: Trả lời câu hỏi 1 (đại diện 1 HS đứng lên trả lời kết quả thảo luận)

(GV cho nhóm 3 nhận xét nhóm 1)

Nhóm 2: HS trả lời câu hỏi 2 (đại diện 1 HS đứng lên trả lời kết quả thảo luận)

(GV cho Nhóm 4 nhận xét nhóm 2)

Nhóm 3: Trả lời câu hỏi 3 (đại diện 1 HS

đường đời đầu tiên)

3. Đọc hiểu nội dung

3.1. Hình dáng, tính cách của Dế Mèn

→ Hình dáng, tính cách.

→ Lần lượt miêu tả từng bộ phận cơ thể của Dế Mèn; gắn liền miêu tả hình dáng với hành động.

- Dế Mèn vừa mang những đặc tính vốn có của loài vật hoặc đồ vật, vừa mang đặc điểm của con người. Truyện mang đặc trưng của truyện đồng thoại.

- Dế Mèn có thái độ kiêu căng, tự phụ, hống hách, cậy sức bắt nạt kẻ yếu hơn mình.

→ Nhận xét: Là một chú Dế thanh niên

đứng lên trả lời kết quả thảo luận)
(GV cho nhóm 5 nhận xét nhóm 3)

Nhóm 4, 5: HS trả lời câu hỏi 4 (đại diện 1 HS đứng lên trả lời kết quả thảo luận)

(GV cho nhóm 1 nhận xét nhóm 4, 5)

Nhóm 6: Trả lời câu hỏi 5 (đại diện 1 HS đứng lên trả lời kết quả thảo luận)

(GV cho nhóm 2 nhận xét nhóm 6)

Bước 4: Kết luận, nhận định

GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức
Ghi lên bảng nội dung chủ yếu nhất. (HS có thể chủ động ghi nội dung cốt lõi)

Nhiệm vụ 4

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

GV1: Hãy tìm các chi tiết miêu tả về Dế Choắt? Em có nhận xét gì về nhân vật này?

GV2: Lời Dế Mèn xung hô với Dế Choắt có gì đặc biệt? Nhận xét gì về cách xung hô đó?

GV3: Dưới con mắt Dế Mèn, Dế Choắt hiện ra như thế nào? Em đánh giá gì về nhân vật Dế Mèn.

GV4: Trước lời cầu xin của Dế Choắt nhờ đào ngạch thông hang. Dế Mèn đã hành động như thế nào? Chi tiết đó đã tô đậm thêm tính cách gì của Dế Mèn?

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

GV cho HS thảo luận Kỹ thuật khăn trải bàn. Chia lớp làm 8 nhóm mỗi nhóm 5 HS.

cường tráng, tự tin, yêu đời và luôn tự hào luôn hãnh diện vì vẻ ngoài khỏe mạnh, cường tráng.

→ Thích nhất ở Dế Mèn là:

+ Ngoại hình: Đôi càng mẫm bóng, những cái vuốt nhọn hoắt, đôi cánh xuống tận chấm đuôi, hai cái răng máy làm việc, sợi râu rất đổi hùng dũng. ...

+ Hành động: Muốn thử sức lợi hại của những chiếc vuốt, co căng lên, đập phanh phách vào những ngọn cỏ. Chốc chốc lại trịnh trọng và khoan thai đưa cả hai chân lên vuốt râu. Đi đứng oai vệ.

- Những điều không thích: Dế Mèn kiêu căng, tự đắc, xúc nổi.

→ Nghệ thuật nhân hóa, so sánh. Tô Hoài đã gán cho Dế Mèn một tính cách, một cá tính riêng. Dế Mèn trở thành một tràng Dế Mèn cường tráng và tự nhìn nhận mình nổi trội hơn tất cả mọi người. Chính bởi hình tượng Dế Mèn mà Tô Hoài đã xây dựng được câu chuyện đồng thoại về loài vật dành cho tuổi thiếu nhi, nhẹ nhàng gửi gắm vào đó những thông điệp và bài học cho trẻ em.

3.2. Dế Mèn trêu chị Cốc gây cái chết cho Dế Choắt

a. Hình ảnh của Dế Choắt qua cái nhìn của Dế Mèn

(Thời gian dự kiến 6 đến 8 phút)

Nhóm 1, 3 làm câu hỏi 1; nhóm 2, 4 làm câu hỏi 2; nhóm 5, 7 làm câu hỏi 3; nhóm 6, 8 làm câu hỏi 4. (GV chuẩn bị giấy Roki và vẽ khung, mảng theo hình thức khăn trải bàn)

Bước 3: Báo cáo thảo luận

GV mời HS các nhóm đại diện lên trình bày kết quả, trình bày xong dán lên tường xung quanh lớp học để trang trí tiết học.

Nhóm 3: Trả lời câu hỏi 1 (đại diện 1 HS đứng lên trả lời kết quả thảo luận)

(GV cho nhóm 1 nhận xét nhóm 3 có thể bổ sung câu trả lời của bạn)

Nhóm 2: Trả lời câu hỏi 2 (đại diện 1 HS đứng lên trả lời kết quả thảo luận)

(GV cho nhóm 4 nhận xét nhóm 2 có thể bổ sung câu trả lời của bạn)

Nhóm 5: Trả lời câu hỏi 3 (đại diện 1 HS đứng lên trả lời kết quả thảo luận)

(GV cho nhóm 7 nhận xét nhóm 5 có thể bổ sung câu trả lời của bạn)

Nhóm 8: Trả lời câu hỏi 4 (đại diện 1 HS đứng lên trả lời kết quả thảo luận)

(GV cho nhóm 6 nhận xét nhóm 8 có thể bổ sung câu trả lời của bạn)

Bước 4: Kết luận, nhận định

GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức GV ghi nội dung chính lên bảng và có thể cho HS tự chốt ý và ghi vào vở.

Nhiệm vụ 5

Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ

GV1: Hết coi thường Dế Choắt, Dế Mèn lại gây sự với Cốc. Mục đích của việc gây sự thì sự việc đó diễn ra như thế nào?

GV2: Phân tích diễn biến tâm lí và thái độ của Dế Mèn trong việc trêu chị Cốc dẫn đến cái chết của Dế Choắt?

→ Như gã nghiện thuốc phiện. Cánh ngắn ngủn, râu một mẩu, mặt mũi ngẩn ngơ. Hôi như cú mèo. Có lớn mà không có khôn.

+ Nhận xét: Dế Mèn tỏ thái độ, chê bai, trịch thượng, kẻ cả coi thường Dế Choắt.

→ Cách xưng hô: gọi “Chú mày có lớn mà chẳng có khôn”, “chú mày hôi như cú mèo thế này ta nào chịu được”,... “mày bảo tao sợ cái gì?”

+ Thái độ rất kiêu căng muốn ra oai với Dế Choắt, muốn chứng tỏ mình sắp đứng đầu thiên hạ.

→ Dế Choắt rất yếu ớt, xấu xí, lười nhác, đáng khinh.

+ Dế Mèn không muốn giúp đỡ Dế Choắt để cái đào hang sâu.

→ Hành động: ích kỉ, hẹp hòi ; Vô tình, thờ ơ.

+ Tô đậm tính cách của Dế Mèn: Không sống chan hòa; không rung động, lạnh lùng trước hoàn cảnh khốn khó của đồng loại.

b. Dế Mèn trêu chị Cốc dẫn đến cái chết của Dế Choắt

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

GV cho HS suy nghĩ thời gian 3 phút ở mỗi câu hỏi sau đó cho HS phát biểu cá nhân ở mỗi câu hỏi.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

GV gọi từ 1 đến 2 HS trả lời câu hỏi 1

GV gọi HS nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

GV gọi từ 1 đến 2 HS trả lời câu hỏi 2

GV gọi HS nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn (Có thể mời những HS khá giỏi phân tích nội dung yêu cầu trong câu hỏi)

Bước 4: Kết luận, nhận định

-GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức Ghi lên bảng, GV chuẩn kiến thức.

Nhiệm vụ 6**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**

GV1: Chúng kiến cái chết ở Dế Choắt, Dế Mèn đã có những cảm xúc, suy nghĩ gì? Suy nghĩ đó cho thấy sự thay đổi ở Dế Mèn là gì?

GV2: Dế Choắt đã nói gì với Dế Mèn? Điều gì ở Dế Choắt đã khiến Dế Mèn xúc động và tỉnh ngộ?

GV3: Theo em, từ những trải nghiệm đáng nhớ đó, Dế Mèn đã rút ra được bài học gì?

GV4: Theo em sự hối hận của Dế Mèn có cần thiết không và có thể tha thứ được không? Vì sao?

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

GV cho HS thảo luận theo cặp đôi (cứ 3 cặp trả lời 1 câu hỏi theo thứ tự từ 1 đến 4). Thời gian làm việc khoảng 3 đến 5 phút.

GV đi hỗ trợ các cặp đôi ít hoạt động hoặc chưa hiểu rõ nội dung câu hỏi yêu cầu.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

GV cho HS trình bày sản phẩm kết quả

→Dế Mèn hát véo von trên chi Cốc

- Chi Cốc trút giận lên Dế Choắt

- Dế Mèn muốn ra oai với Dế Choắt, muốn chứng tỏ mình sắp đứng đầu thiên hạ.

→Diễn biến tâm lí của Dế Mèn

+ Lúc đầu thì hèn hoang trước Dế Choắt

+ Hát véo von, xác xược... với chi Cốc

+ Sau đó chui tọt vào hang vắt chân chữ ngũ, nằm khênh yên trí... => đắc ý

+ Khi Dế choắt bị Cốc mổ thì nằm im thin thít, khi Cốc bay đi rồi mới dám mon men bò ra khỏi hang => hèn nhát tham sống sợ chết bỏ mặc bạn bè, không dám nhận lỗi

3.3. Bài học đường đời đầu tiên của Dế Mèn

→ Suy nghĩ của Dế Mèn:

+ Dế Mèn ân hận: Nâng đầu Dế Choắt vừa

thảo luận câu hỏi 1.

GV cho HS xung phong nhận xét, bổ sung kết quả câu trả lời của bạn (nếu có). GV có thể nhận xét, phân tích thêm nếu thấy câu trả lời của HS chưa đầy đủ nội dung.

GV cho HS trình bày sản phẩm kết quả thảo luận câu hỏi 2.

GV cho HS xung phong nhận xét, bổ sung kết quả câu trả lời của bạn (nếu có). GV có thể nhận xét, phân tích thêm nếu thấy câu trả lời của HS chưa đầy đủ nội dung.

GV cho HS trình bày sản phẩm kết quả thảo luận câu hỏi 3.

GV cho HS xung phong nhận xét, bổ sung kết quả câu trả lời của bạn (nếu có). GV có thể nhận xét, phân tích thêm nếu thấy câu trả lời của HS chưa đầy đủ nội dung.

GV cho HS trình bày sản phẩm kết quả thảo luận câu hỏi 4.

GV cho HS xung phong nhận xét, bổ sung kết quả câu trả lời của bạn (nếu có). GV có thể nhận xét, phân tích thêm nếu thấy câu trả lời của HS chưa đầy đủ nội dung.

Bước 4: Kết luận, nhận định

GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức GV ghi lên bảng, có thể HS tự ghi vào vở viết.

Nhiệm vụ 7

Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ

GV: Qua phần tìm hiểu ở trên em hãy rút ra nội dung và nghệ thuật văn bản **Bài học đường đời đầu tiên** là gì?

HS tiếp nhận nhiệm vụ suy nghĩ trả lời câu hỏi.

thương, vừa ăn năn tội mình, chôn xác Dế Choắt vào bụi cỏ um tùm.

+ Sự thay đổi của Dế Mèn có sự biến đổi tâm lý: Từ thái độ kiêu ngạo, hống hách sang ăn năn, hối hận.

→ Trước khi trút hơi thở cuối cùng, Dế Choắt đã nói với Dế Mèn rằng: “Thôi, tôi ốm yếu quá rồi, chết cũng được. Nhưng trước khi nhắm mắt, tôi khuyên anh: Ở đời mà có thói hung hăng bậy bạ, có óc mà không biết nghĩ, sớm muộn cũng mang vạ vào thân đấy”.

- Hình ảnh thương tâm và sự bao dung, độ lượng của Dế Choắt đã khiến Dế Mèn phải nhìn lại chính mình với những hành động xúc nổi và việc làm thiếu suy nghĩ của chính mình.

→ Bài học rút ra là: Để chuộc lại lỗi lầm Dế Mèn đã chôn cất Dế Choắt chu đáo. Sau cái chết của Choắt Dế Mèn đau xót ân hận lắm, tự trách mình là nông cuồng và dại dột. Cũng từ đây, chú cố gắng sửa đổi tính nết để trở thành người tốt. Đó chính là bài học đường đời đầu tiên.

→ HS có thể trả lời là: **có** hoặc **không** tùy vào mức độ nhận thức của mỗi học sinh. Việc giải thích của học sinh không đánh giá **đúng** – **sai** mà thấy được mức độ logic của cách trả lời của học sinh.

III. Tổng kết văn bản

1. Nội dung

<p>Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ GV cho HS làm việc độc lập cá nhân để trả lời yêu cầu nội dung của câu hỏi. (Nội dung và nghệ thuật)</p> <p>Bước 3: Báo cáo, thảo luận GV gọi 2 đến 5 HS trình bày kết quả trả lời câu hỏi yêu cầu. GV gọi một vài HS nhận xét và bổ sung câu trả lời của bạn.</p> <p>Bước 4: Kết luận, nhận định GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức GV ghi lên bảng hoặc HS có thể tự chốt ý ghi vào vở viết.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Tác giả đã khắc họa vẻ đẹp cường tráng của Dế Mèn, tính cách kiêu căng, xốc nổi gây ra cái chết của Dế Choắt. - Bài học về lối sống thân ái, chan hòa; yêu thương giúp đỡ bạn bè; cách ứng xử lễ độ, khiêm nhường; sự tự chủ; ăn năn hối lỗi trước cử chỉ sai lầm của mình. <p>2. Nghệ thuật</p> <ul style="list-style-type: none"> - Kể chuyện kết hợp với miêu tả, diễn biến tâm lí nhân vật sinh động, hợp lí. - Cách xây dựng hình tượng nhân vật Dế Mèn rất gần gũi với trẻ thơ, miêu tả loài vật chính xác, sinh động. - Các phép tu từ: So sánh, nhân hóa rất linh hoạt tạo tính hấp dẫn, hứng thú cho người đọc. - Lựa chọn ngôi kể, lời văn giàu hình ảnh, cảm xúc có lối viết truyện đồng thoại viết cho trẻ em.
---	--

BẢNG RUBRICS ĐÁNH GIÁ MỨC ĐỘ NĂNG LỰC TỰ HỌC CỦA HS

(HS dựa vào nội dung tóm tắt văn bản: Bài học đường đời đầu tiên)

Nội dung	Các mức độ đạt được của tiêu chí			
	Mức 1 <input type="checkbox"/>	Mức 2 <input type="checkbox"/>	Mức 3 <input type="checkbox"/>	Mức 4 <input type="checkbox"/>
Tóm tắt nội dung văn bản: Bài học đường đời đầu tiên của Tô Hoài.	Giới thiệu được chân dung Dế Mèn. (2,0 điểm)	Giới thiệu được chân dung Dế Mèn và nêu được tính cách. (5,0 điểm)	Giới thiệu, nêu được tính cách của Dế Mèn. Trò nghịch ngợm của Dế Mèn dẫn đến Dế Choắt chết. (7,0 điểm)	Giới thiệu, nêu được tính cách của Dế Mèn. Trò nghịch ngợm của Dế Mèn dẫn đến Dế Choắt chết. Dế Mèn ân hận và rút ra bài học cho bản thân. (10,0 điểm)

Ghi chú: *Hãy đánh dấu X vào 1 mức độ phù hợp với nội dung đạt được trong phần tóm tắt văn bản.*

3. Hoạt động 3: Luyện tập

a. Mục tiêu: *Củng cố lại nội dung và nghệ thuật của văn bản.*

b. Nội dung: Sử dụng phương pháp sơ đồ tư duy để tổng hợp kiến thức đã học.

c. Sản phẩm học tập: Cho học sinh vẽ được sơ đồ tư duy một cách dễ hiểu nhất có thể (Tùy vào mức độ nhận thức của mỗi học sinh)

d. Tổ chức thực hiện

HOẠT ĐỘNG CỦA GV&HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
<p>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ GV hướng dẫn học sinh vẽ sơ đồ tư duy theo 2 mạch kiến thức chính: Nội dung và nghệ thuật. HS vẽ sơ đồ tư duy theo cách sáng tạo của bản thân theo 2 mạch chính của văn bản.</p> <p>Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ GV chia lớp làm 4 nhóm cho HS vẽ sơ đồ tư duy (Thời gian khoảng 8 phút) GV đi hỗ trợ và hướng dẫn HS thực hiện yêu cầu của đề bài.</p> <p>Bước 3: Báo cáo thảo luận GV cho 4 nhóm trình bày kết quả lên trên bảng để cho các nhóm tự nhận xét và bổ sung những thiếu sót (nếu có). HS treo kết quả lên bảng và thuyết trình</p> <p>Bước 4: Kết luận, nhận định GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức HS.</p>	<p>IV. Luyện tập</p> <p>- Học sinh có thể điều chỉnh những nội dung còn thiếu và chưa hoàn chỉnh.</p>

4. Hoạt động 4: Vận dụng

a. Mục tiêu: Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập và củng cố lại kiến thức.

b. Nội dung: Sử dụng kiến thức đã học để cá nhân HS tự hỏi, trả lời, trao đổi và chia sẻ với HS trong lớp.

c. Sản phẩm học tập: Kết quả viết hoàn chỉnh 1 đoạn văn, nhận xét đánh giá kết quả HT.

d. Tổ chức thực hiện

HOẠT ĐỘNG CỦA GV&HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
<p>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ GV cho HS viết đoạn văn (khoảng 5 – 7 câu) kể lại một sự việc trong đoạn trích <i>Bài học đường đời đầu tiên</i> bằng lời của một nhân vật do em tự chọn.</p> <p>Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ GV cho học sinh viết đoạn văn làm việc cá nhân (Thời gian viết đoạn văn từ 3 đến 5 phút)</p>	<p>V. Vận dụng</p>

<p>GV hỗ trợ và hướng dẫn HS làm bài tập.</p> <p>Bước 3: Báo cáo thảo luận</p> <p>GV có thể gọi từ 1 đến 3 HS đọc bài làm trước tập thể lớp.</p> <p>GV gọi HS khác lên nhận xét, bổ sung (nếu có).</p> <p>Bước 4: Kết luận, nhận định</p> <p>GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.</p>	<p>GV gợi ý cho HS có thể lựa chọn lời của nhân vật Dế Mèn hoặc Dế Choắt. Ngôi kể phải phù hợp với sự việc, nhân vật được lựa chọn, thể hiện đúng cách nhìn và giọng kể của người kể chuyện, đảm bảo tính chính xác của các sự việc.</p>
--	--

Dặn học sinh học bài ở nhà: Xem lại bài đã học và soạn bài: **Thực hành tiếng Việt**

TIẾT PPCT: 04

THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT

I. Mục tiêu

1. Năng lực

1.1. Năng lực đặc thù

- Nhận biết được các kiểu cấu tạo của từ tiếng Việt: từ đơn và từ phức (từ đơn, từ láy), chỉ ra được tác dụng của việc sử dụng từ láy trong câu, đoạn văn.

- Nhận biết được nghĩa của từ ngữ, hiểu được nghĩa của một số thành ngữ thông dụng, nhận biết và phân tích tác dụng của biện pháp tu từ so sánh trong văn bản.

1.2. Năng lực chung (năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo):

Biết lắng nghe và có phản hồi tích cực trong giao tiếp; thực hiện được các nhiệm vụ học tập theo nhóm. Biết phân tích, tóm tắt những thông tin liên quan từ nhiều nguồn khác nhau.

2. Phẩm chất: Yêu và tự hào về ngôn ngữ tiếng Việt. Giáo dục các em biết yêu quý, giữ gìn sự trong sáng của vốn từ tiếng Việt. Có vốn từ vựng tương đối phong phú cho học tập và giao tiếp hàng ngày; sử dụng tương đối linh hoạt và có hiệu quả các kiểu câu khác nhau; nói rõ ràng, mạch lạc.

II. Thiết bị dạy học và học liệu

1. Chuẩn bị của GV: Kế hoạch bài dạy (Giáo án); Phiếu bài tập, nội dung trả lời các câu hỏi; phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp; giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà.

2. Chuẩn bị của HS: SGK, SBT Ngữ văn 6, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài (*SGK trang 20*).

III. Tiến trình dạy học

1. Hoạt động 1: Xác định vấn đề

a. Mục tiêu: Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình để bước vào bài học mới.

b. Nội dung: GV trình bày vấn đề theo phương pháp thuyết trình, vấn đáp, gợi mở.

c. Sản phẩm: HS thực hiện câu trả lời yêu cầu của GV.

d. Tổ chức thực hiện

HOẠT ĐỘNG CỦA GV&HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
<p>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ GV yêu cầu HS nhớ lại những kiến thức tiếng Việt đã học từ bậc tiểu học và trả lời câu hỏi: Phân loại theo cấu tạo từ của tiếng Việt thì Từ có mấy loại chính ? Lấy ví dụ.</p> <p>Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ GV cho HS làm việc cá nhân ôn lại kiến thức tiếng Việt cấp Tiểu học, HS tự lấy ví dụ (từ đơn và từ phức). GV hỗ trợ những HS chưa nhớ lại kiến thức tiếng Việt cấp Tiểu học.</p> <p>Bước 3: Báo cáo, thảo luận GV cho HS xung phong trả lời câu hỏi và gọi 1 số HS chưa tham gia tự giác để trả lời câu hỏi.</p> <p>Bước 4: Kết luận, nhận định GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức và giới thiệu vào bài mới</p> <p style="text-align: center;"><i>GV Ghi tên bài học lên bảng.</i></p>	<p>- HS trả lời câu hỏi và làm bài tập (lấy ví dụ).</p> <p>GV giới thiệu vào bài học: Ở Tiểu học, các em đã được học về tiếng và từ. Tuy nhiên để giúp các em có thể hiểu sâu hơn và sử dụng thành thạo hơn từ tiếng Việt. Hôm nay thầy sẽ hướng dẫn cả lớp mình để tìm hiểu sâu sắc hơn nữa thông qua bài Thực hành tiếng Việt (SGK trang 20).</p>

2. Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới

Hoạt động 1: Tìm hiểu từ đơn, từ phức

- a. **Mục tiêu:** Hiểu được các khái niệm: Từ đơn, từ phức trong tiếng Việt.
- b. **Nội dung:** Sử dụng phương pháp tia chớp, cặp đôi, gọi mở, trò chơi
- c. **Sản phẩm học tập:** Dùng phiếu học tập và bảng kiểm.
- d. **Tổ chức thực hiện**

HOẠT ĐỘNG CỦA GV & HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM						
<p>Nhiệm vụ 1</p> <p>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ GV yêu cầu HS đọc bài tập 1 và làm vào vở bài tập của HS.</p> <p>Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ GV cho HS thảo luận cặp đôi và cá nhân trả lời từng câu hỏi ghi vào vở bài tập.</p> <p>Bước 3: Báo cáo thảo luận GV gọi từ 1 đến 3 HS trình bày kết quả làm bài tập. GV gọi HS nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn</p>	<p>I. Thực hành tiếng Việt</p> <p>1. Từ đơn và từ phức</p> <p>1.1. Bài tập</p> <p>Bài tập 1 (SGK tr 20)</p> <p>→ HS lên bảng điền từ thích hợp</p> <table border="1" data-bbox="927 1912 1442 2042"> <thead> <tr> <th data-bbox="927 1912 1075 1955">Từ đơn</th> <th colspan="2" data-bbox="1075 1912 1442 1955">Từ phức</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td data-bbox="927 1955 1075 2042"></td> <td data-bbox="1075 1955 1208 2042">Từ ghép</td> <td data-bbox="1208 1955 1442 2042">Từ láy</td> </tr> </tbody> </table>	Từ đơn	Từ phức			Từ ghép	Từ láy
Từ đơn	Từ phức						
	Từ ghép	Từ láy					

(nếu có).

Bước 4: Kết luận, nhận định

GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức Ghi nội dung cơ bản lên bảng.

Nhiệm vụ 2

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

GV cho HS đọc bài tập 2, 3 SGK tr 20.

BT2: Trong Bài học đường đời đầu tiên có những từ láy mô phỏng âm thanh như: véo von, hừ hừ. Hãy tìm thêm những từ láy khác thuộc loại này ở trong văn bản.

(GV sử dụng bảng kiểm để đánh giá kết quả HT)

BT3: Tìm và nêu tác dụng của từ láy trong các câu:

- Thỉnh thoảng, muốn thử sự lợi hại ... các ngọn cỏ.
- Hai cái răng đen nhánh ... luỡi liềm máy làm việc.
- Mỗi bước đi, tôi làm điệu ... hai chiếc râu.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

GV cho HS làm việc cá nhân và tìm các từ láy cùng loại, nêu tác dụng của các từ láy.

GV sử dụng phương pháp tái hiện, kích hoạt kiến thức nền, gợi mở.

Bước 3: Báo cáo thảo luận

GV gọi 2 -> 3 HS trình bày kết quả tìm được các từ láy cùng loại (**BT2**), nêu tác dụng các từ láy (**BT3**).

GV gọi HS nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn (nếu có).

Bước 4: Kết luận, nhận định

GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức Ghi lên bảng. *(Dùng bảng kiểm để xác định được từ láy tìm được trong văn bản)*

Nhiệm vụ 3

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

GV tổ chức trò chơi cho HS: Ai nhanh hơn
Cách chơi: Chia lớp thành 4 nhóm, hãy ghép các từ ở cột A với các từ ở cột B để miêu tả Đế Mèn sao cho phù hợp và lô gic:

A	B
vuốt	nhọn hoắt
Cánh	rung rinh

Tôi, nghe, người	Bóng mờ, ưa nhìn,	Hùn hoản, phanh phách, giòn giã, rung rinh
------------------	-------------------	--

Bài tập 2 (SGK tr 20)

→ Một số từ láy mô phỏng âm thanh: phanh phách, phanh phách, ngoàm ngoạp, văng vẳng ...

Bài tập 3 (SGK tr 20)

- Phanh phách: âm thanh phát ra do một vật sắc tác động liên tiếp vào một vật khác.

- Ngoàm ngoạp: (nhai) nhiều, liên tục, nhanh.

- Dún dẩy: điệu đi nhịp nhàng, ra vẻ kiêu cách.

1.2. Khái niệm từ đơn, từ phức

a. Ví dụ

người	hủn hoản
	đen nhánh
Răng	bóng mỡ
	ngoằm ngoạp

GV yêu cầu HS quan sát bảng phụ treo trên bảng và đặt câu hỏi:

GV1: Cột A và cột B thuộc từ gì?(Xét về cấu tạo của từ)

GV 2: Em nhận thấy từ ghép và từ láy có gì giống và khác nhau?

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

GV cho HS chơi trò chơi khoảng 3 phút và tiếp tục trả lời 3 câu hỏi .

HS làm việc theo cá nhân (sử dụng phương pháp tia chớp) để trả lời câu hỏi.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

HS lên bảng nối cột A với cột B (4 HS lên bảng nối) hình thức là trò chơi, PP tia chớp, trình bày sản phẩm trên bảng.

GV gọi HS nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

GV gọi 1 đến 2 HS trả lời câu hỏi 1 (Gọi HS khác nhận xét, bổ sung (nếu có).

GV gọi 1 đến 2 HS trả lời câu hỏi 2 (Gọi HS khác nhận xét, bổ sung (nếu có).

Bước 4: Kết luận, nhận định

GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức

GV: Vậy em hiểu thế nào là từ đơn và từ phức?

Ghi nội dung bài học lên bảng. (có thể HS tự ghi ý chính vào vở ghi)

→Nối cột A với cột B

vuốt -> nhọn hoắt

cánh -> hủn hoản

người -> rung rinh, bóng mỡ

răng -> đen nhánh, ngoằm ngoạp

→Các từ ở cột A có 1 tiếng, đó là từ đơn. Các từ ở cột B có 2 tiếng, đó là từ phức.

→ Giống nhau: Đều là từ phức

- Khác nhau:

+ Từ ghép là những từ phức được tạo ra bằng cách ghép các tiếng có nghĩa với nhau.

+ Từ láy là những từ phức được tạo ra nhờ phép láy âm, láy vần và láy toàn bộ.

b. Khái niệm từ đơn, từ phức

- Từ đơn: Là từ chỉ có 1 tiếng có nghĩa tạo thành.

- Từ phức: Là từ có 2 tiếng trở lên. Những từ phức được tạo nên bằng cách ghép các tiếng, giữa các tiếng có quan hệ với nhau về nghĩa được gọi là từ ghép. Những từ phức mà có các tiếng chỉ có quan hệ với nhau về

	âm (lặp lại âm đầu, vần hoặc lặp lại cả âm đầu và vần) được gọi là từ láy.
--	--

Hoạt động 2: Tìm hiểu nghĩa của từ ngữ

a. Mục tiêu: Nắm được định nghĩa nghĩa của từ ngữ.

b. Nội dung: Sử dụng phương pháp phát vấn, gợi mở, cặp đôi

c. Sản phẩm học tập: Sử dụng phiếu học tập, câu trả lời của học sinh.

d. Tổ chức thực hiện

HOẠT ĐỘNG CỦA GV & HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
<p>Nhiệm vụ 1</p> <p>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ GV yêu cầu HS đọc bài tập 4, 5 SGK tr 20 BT4: GV hướng dẫn HS để giải thích nghĩa thông thường của từ có thể dựa vào từ điển tiếng Việt, còn để giải thích nghĩa của từ trong câu cần dựa vào từ ngữ đứng trước và sau nó (Ngữ cảnh). BT5: Đặt câu với mỗi thành ngữ sau: <i>ăn xối ở thì, tắt lửa tối đèn, hôi như cú mèo.</i> (Thực hiện ở nhà)</p> <p>Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ HS thảo luận và làm việc cá nhân trả lời nội dung yêu cầu của bài tập 4.</p> <p>Bước 3: Báo cáo thảo luận GV gọi 1 đến 2 HS trình bày kết quả làm bài tập 4. GV gọi HS nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn (nếu có)</p> <p>Bước 4: Kết luận, nhận định GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức Ghi nội dung lên bảng.</p> <p>Nhiệm vụ 2</p> <p>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ GV cho HS tìm hiểu ví dụ và trả lời câu hỏi. Ví dụ: Chú thích SGK ngữ văn 6 trang 17 Định thần: làm cho tinh thần trở lại trạng thái thăng bằng bình thường. GV: Chú thích trên gồm mấy bộ phận?</p>	<p>2. Nghĩa của từ ngữ</p> <p>2.1. Bài tập</p> <p>Bài tập 4 (SGK tr 20)</p> <p>- <i>Nghèo:</i> ở vào tình trạng không có hoặc có rất ít những gì thuộc về yêu cầu tối thiểu của đời sống vật chất (như: <i>Nhà nó rất nghèo; Đất nước còn nghèo</i>).</p> <p>- <i>Nghèo sức:</i> khả năng hoạt động, làm việc hạn chế, sức khỏe kém hơn những người bình thường.</p> <p>- <i>Mưa dầm sùi sụt:</i> mưa nhỏ, rả rích, kéo dài không dứt.</p> <p>- <i>Điệu hát mưa dầm sùi sụt:</i> điệu hát nhỏ, kéo dài, buồn, ngậm ngùi, thê lương.</p> <p>2.2. Khái niệm nghĩa của từ</p> <p>a. Ví dụ</p> <p>Định thần: làm cho tinh thần trở lại trạng thái thăng bằng bình thường.</p>

<p>Bộ phận nào chú thích nêu lên nghĩa của từ?</p> <p>Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ GV cho HS trả lời câu hỏi. (HS làm việc cá nhân, thời gian khoảng 1 đến 2 phút)</p> <p>Bước 3: Báo cáo thảo luận GV cho HS trả lời kết quả học tập, gọi HS khác nhận xét, bổ sung (nếu có).</p> <p>Bước 4: Kết luận, nhận định GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức. Thế nào là nghĩa của từ ngữ? Ghi lên bảng khái niệm.</p>	<p>→Chú thích trên gồm 2 bộ phận →Bộ phận nêu lên nghĩa của từ là bộ phận đứng đằng sau dấu hai chấm.</p> <p>b. Khái niệm: Nghĩa của từ là nội dung gồm có tính chất, chức năng, khái niệm, quan hệ ... mà từ biểu thị.</p>
---	--

Hoạt động 3: Tìm hiểu biện pháp tu từ so sánh

- a. **Mục tiêu:** Nắm được khái niệm, tác dụng biện pháp tu từ so sánh.
- b. **Nội dung:** Sử dụng phương pháp phát vấn, gợi mở, cặp đôi
- c. **Sản phẩm học tập:** Sử dụng phiếu học tập, câu trả lời của HS.
- d. **Tổ chức thực hiện**

HOẠT ĐỘNG CỦA GV& HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
<p>Nhiệm vụ 1</p> <p>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ GV yêu cầu HS đọc bài tập 6 và làm vào vở bài tập của HS.</p> <p>Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ GV cho HS thảo luận cặp đôi và cá nhân trả lời từng câu hỏi ghi vào vở bài tập.</p> <p>Bước 3: Báo cáo thảo luận GV gọi từ 1 đến 3 HS trình bày kết quả làm bài tập. GV gọi HS nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn (nếu có).</p> <p>Bước 4: Kết luận, nhận định GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức Ghi nội dung cơ bản lên bảng.</p> <p>Nhiệm vụ 2</p> <p>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ GV yêu cầu HS quan sát ví dụ và trả lời câu hỏi:</p>	<p>3. So sánh</p> <p>3.1. Bài tập</p> <p>Bài tập 6 (SGK tr 20)</p> <p>- Hai cái răng đen nhánh lúc nào cũng nhai ngoàm ngoạp như hai lưỡi liềm máy làm việc. Tác dụng: So sánh hai cái răng của Đẻ Mèn khi nhai thức ăn với hai lưỡi liềm máy đang làm việc để nhấn mạnh Đẻ Mèn đang tuổi ăn tuổi lớn, đầy sức sống, khỏe khoắn.</p> <p>- Mỏ Cốc như cái dùi sắt, chọc xuyên cả đất. Tác dụng: So sánh mỏ chị Cốc với cái dùi sắt cho thấy sự tức giận, sức mạnh đáng sợ của chị Cốc khi mỏ Đẻ Choắt.</p> <p>3.2. Khái niệm so sánh</p> <p>a. Ví dụ</p> <p><i>Trẻ em như búp trên cành</i></p>

<p style="text-align: center;"><i>Trẻ em như búp trên cành</i> <i>Biết ăn ngủ biết học hành là ngoan</i></p> <p>GV1: Những tập hợp từ nào chứa hình ảnh so sánh? Những sự vật, sự việc nào được so sánh với nhau?</p> <p>GV2: Dựa vào cơ sở nào để có thể so sánh như vậy? So sánh như thế nhằm mục đích gì? (Hãy so sánh với câu không dùng phép so sánh)</p> <p>Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ GV phát phiếu bài tập cho HS trả lời câu hỏi. (HS làm việc cá nhân, thời gian khoảng 2 đến 3 phút)</p> <p>Bước 3: Báo cáo thảo luận GV cho HS trả lời kết quả học tập, gọi HS khác nhận xét, bổ sung (nếu có).</p> <p>Bước 4: Kết luận, nhận định GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức. Thế nào là nghĩa của từ ngữ? Ghi lên bảng khái niệm.</p>	<p style="text-align: center;"><i>Biết ăn ngủ biết học hành là ngoan</i></p> <p>→ Tập hợp từ chứa hình ảnh so sánh: Trẻ em như búp trên cành. → Các sự vật, sự việc được so sánh: + <i>Trẻ em</i> được so sánh với <i>búp trên cành</i>.</p> <p>3.2. Khái niệm: So sánh là đối chiếu sự vật, sự việc, hiện tượng này với các sự vật, sự việc, hiện tượng khác có nét tương đồng để tăng thêm sự lôi cuốn, gợi hình, gợi cảm cho biểu đạt. GV đưa ra mô hình so sánh:</p> <table border="1" style="margin-left: auto; margin-right: auto;"> <tr> <td style="text-align: center;">Vế A</td> <td style="text-align: center;">Phương diện so sánh</td> <td style="text-align: center;">Từ so sánh</td> <td style="text-align: center;">Vế B</td> </tr> <tr> <td style="text-align: center;">Trẻ em</td> <td></td> <td style="text-align: center;">Như</td> <td style="text-align: center;">búp trên cành.</td> </tr> </table>	Vế A	Phương diện so sánh	Từ so sánh	Vế B	Trẻ em		Như	búp trên cành.
Vế A	Phương diện so sánh	Từ so sánh	Vế B						
Trẻ em		Như	búp trên cành.						

BẢNG KIỂM ĐÁNH GIÁ CÁCH XÁC ĐỊNH CÁC TỪ LÁY TRONG VĂN BẢN

STT	Tiêu chí	Xuất hiện	Không xuất hiện
1	phanh phách, văng vẳng		
2	phành phạch, ngoàm ngoạp		
3	Văng vẳng, lừ đừ, lách cách		
4	phành phạch, ngoàm ngoạp, văng vẳng		
5	Văng vẳng, tí tách, rì rầm		

Ghi chú: Đánh dấu X vào ô **xuất hiện** hoặc **không xuất hiện** các từ láy tìm được trong văn bản “*Bài học đường đời đầu tiên*” của Tô Hoài.

3. Hoạt động 3, 4: Luyện tập và vận dụng

a. Mục tiêu: Vận dụng kiến thức đã học để làm bài tập vận dụng, củng cố kiến thức viết kết nối với đọc.

b. Nội dung: Sử dụng phương pháp diễn dịch viết đoạn văn để làm bài tập vận dụng, làm việc cá nhân.


c. Sản phẩm học tập: Bài làm vận dụng của học sinh.

d. Tổ chức thực hiện

HOẠT ĐỘNG CỦA GV&HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
<p>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ GV yêu cầu HS Viết đoạn văn (khoảng từ 5 → 7 câu) nêu suy nghĩ của em về nhân vật Dế Mèn trong văn bản <i>Bài học đường đời đầu tiên</i>. Chỉ ra: từ đơn, từ ghép, từ láy có sử dụng trong đoạn văn.</p> <p>Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ GV cho HS viết đoạn văn theo yêu cầu trong bài tập vận dụng (thời gian khoảng từ 3 đến 5 phút) GV có thể đi hỗ trợ những HS có kỹ năng viết đoạn văn chưa tốt.</p> <p>Bước 3: Báo cáo thảo luận GV gọi khoảng 3 HS đứng tại chỗ đọc bài làm (Có thể gọi 3 đối tượng HS lên đọc bài làm) GV gọi HS nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn (nếu có)</p> <p>Bước 4: Kết luận, nhận định GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức Đọc nội dung bài làm khá giỏi của HS để chốt kiến thức, củng cố nội dung bài học.</p>	<p>II. Luyện tập vận dụng</p> <p><i>Đoạn văn tham khảo:</i> Dế Mèn trong tác phẩm: “<i>Bài học đường đời tiên</i>” hiện lên ngây thơ, tự tin, yêu đời nhưng cũng kiêu căng, hung hăng, hống hách với những cử chỉ khờ dại việc làm thiếu suy nghĩ, gây tai họa cho người khác. Đọc <i>Dế Mèn phiêu lưu kí</i> ai chẳng thấy được thú vị để theo dõi từng bước đường đầy những cảnh ngộ éo le, sinh động và hấp dẫn. Nhưng lý thú và bổ ích hơn nữa là những bài học mà nhà văn Tô Hoài đã giúp chúng ta rút ra được từ cuộc hành trình của chú dế mới lớn tuy có lúc đáng thương, đáng giận trong lòng người đọc.</p>

Dặn học sinh học bài ở nhà: Xem lại bài đã học và soạn bài: **Nếu cậu muốn có một người bạn ...**

PHÊ DUYỆT KẾ HOẠCH BÀI DẠY

PHÊ DUYỆT CỦA TỔ CHUYÊN MÔN	GIÁO VIÊN
	<p align="center">  Đào Văn Dũng </p>

